

**SỞ HỮU TRONG NƯỚC VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA  
CÁC CÔNG TY BẢO HIỂM: BẰNG CHỨNG THỰC NGHIỆM TẠI VIỆT NAM**

**Lê Thanh Hòa<sup>1\*</sup>, Trần Văn Tuấn<sup>2</sup>**

<sup>1</sup> Trường Đại học Tôn Đức Thắng

<sup>2</sup> Trường Đại học Tài chính - Marketing

\* Tác giả liên hệ: Email: lethanhhoa@tdtu.edu.vn

Ngày nhận bài: 19/09/2024      Ngày chấp nhận: 02/01/2025      Ngày đăng: 25/08/2025

DOI: 10.52932/jfmr.v16i4.616

**Phụ lục 1. Định nghĩa biến**

| <b>Biến số</b>                                      | <b>Ký hiệu</b>  | <b>Cách đo lường</b>                                                               | <b>Tham khảo</b>                                                                      | <b>Kì vọng</b> |
|-----------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| <b>Biến số phụ thuộc</b>                            |                 |                                                                                    |                                                                                       |                |
| Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản                  | ROA             | Hệ số lợi nhuận sau thuế chia cho tổng tài sản                                     | Cummins và cộng sự (2017), Sujud và Hashem (2017), Rubio-Misas (2020)                 |                |
| <b>Biến số độc lập</b>                              |                 |                                                                                    |                                                                                       |                |
| Sở hữu trong nước                                   | DO              | Tỷ lệ phần trăm sở hữu trong nước trong công ty bảo hiểm.                          | Horobet và cộng sự (2023); Lassoued và cộng sự (2016)                                 | +              |
| <b>Biến kiểm soát</b>                               |                 |                                                                                    |                                                                                       |                |
| Chỉ số Logarit của Doanh thu                        | Log_Doanh thu   | Log(Doanh thu)                                                                     | Bhatia và Mahendru (2022); Nalimae và cộng sự (2016)                                  |                |
| Tỷ lệ vốn chủ sở hữu so với tài sản                 | Equity_to_asset | Tỷ lệ trung bình của vốn chủ sở hữu so với tổng vốn của các công ty bảo hiểm.      | Muslih và Novan (2021); Pointer và Nguyễn Văn Phan (2019)                             |                |
| Tỉ lệ lợi nhuận ngoài nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm | Noncore         | Tỷ lệ tổng nợ trên bảng cân đối kế toán trừ tổng dự phòng bảo hiểm so với tổng nợ. | Chang và cộng sự (2018); Kokobe và Gemechu (2016), Trần Hoàng Dương và cộng sự (2023) |                |
| Số tuổi của doanh nghiệp                            | Age             | Năm hiện tại - năm thành lập                                                       | Derbali (2014); Mehari và cộng sự (2013)                                              |                |
| Chỉ số Logarit của vốn chủ sở hữu                   | Log_Equity      | Logarit của vốn chủ sở hữu                                                         | Burca và Batrinca (2014)                                                              |                |

**Phụ lục 2.** Thống kê mô tả

|                                                        | Trung<br>bình | Trung<br>vị | Tối đa | Tối<br>thiểu | Độ lệch<br>chuẩn |
|--------------------------------------------------------|---------------|-------------|--------|--------------|------------------|
| ROA                                                    | -0,00         | 0,018       | 0,072  | -0,173       | 0,062            |
| Sở hữu trong nước                                      | 0,406         | 0,000       | 1,000  | 0,000        | 0,436            |
| Tỷ lệ vốn chủ sở hữu so với tài sản                    | 0,388         | 0,354       | 0,876  | 0,105        | 0,198            |
| Chỉ số Logarit của vốn chủ sở hữu                      | 27,882        | 27,759      | 29,748 | 26,194       | 0,948            |
| Chỉ số Logarit của Doanh thu                           | 27,994        | 27,917      | 30,932 | 24,904       | 1,584            |
| Tỉ lệ lợi nhuận ngoài nghiệp vụ kinh doanh<br>bảo hiểm | 0,240         | 0,188       | 0,842  | 0,042        | 0,182            |
| Số tuổi của doanh nghiệp                               | 13,365        | 13,000      | 25,000 | 3,000        | 6,353            |

**Phụ lục 3.** Ma trận tương quan

| Xác suất                                                           | Sở hữu<br>trong<br>nước | Tỷ lệ vốn<br>chủ sở hữu<br>so với tài<br>sản | Chỉ số<br>Logarit<br>của vốn<br>chủ sở hữu | Chỉ số<br>Logarit<br>của doanh<br>thu | Tỉ lệ lợi<br>nhuận ngoài<br>nghiệp vụ<br>kinh doanh<br>bảo hiểm | Số<br>tuổi của<br>doanh<br>nghiệp | Hệ số<br>phóng<br>đại<br>phương<br>sai |
|--------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------------|
| Sở hữu<br>trong nước                                               | 1,000                   |                                              |                                            |                                       |                                                                 |                                   | 1,746                                  |
| Tỷ lệ vốn<br>chủ sở hữu<br>so với tài<br>sản                       | -0,009<br>(0,897)       | 1,000                                        |                                            |                                       |                                                                 |                                   | 2,237                                  |
| Chỉ số<br>Logarit của<br>vốn chủ sở<br>hữu                         | -0,376***<br>(<0,01)    | -0,256***<br>(<0,01)                         | 1,000                                      |                                       |                                                                 |                                   | 3,400                                  |
| Chỉ số<br>Logarit của<br>doanh thu                                 | -0,095<br>(0,170)       | -0,657***<br>(<0,01)                         | 0,723***<br>(<0,01)                        | 1,000                                 |                                                                 |                                   | 4,752                                  |
| Tỉ lệ lợi<br>nhuận<br>ngoài<br>nghiệp vụ<br>kinh doanh<br>bảo hiểm | 0,355***<br>(<0,01)     | 0,330***<br>(<0,01)                          | -0,385***<br>(<0,01)                       | -0,322***<br>(<0,01)                  | 1,000                                                           |                                   | 1,446                                  |
| Số tuổi của<br>doanh<br>nghiệp                                     | 0,284***<br>(<0,01)     | -0,446***<br>(<0,01)                         | 0,359***<br>(<0,01)                        | 0,558***<br>(<0,01)                   | -0,238***<br>(<0,01)                                            | 1,000                             | 1,897                                  |